

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC  
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 46

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm</u>	<u>Miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch	26/05/2015	-
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch	26/05/2015	-
Ông Huỳnh Ngọc Mẫn	Thành viên	26/05/2015	-
Ông Đỗ Thành Khiêm	Thành viên	26/05/2015	05/08/2016
Ông Ngô Thanh Quyển	Thành viên	26/05/2015	21/06/2016

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đoàn Thị Bích Thuỷ	Trưởng ban
Bà Võ Thị Mỹ Dung	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Hoà	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm</u>	<u>Miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc	-	21/09/2016
Bà Nguyễn Thanh Loan	Tổng Giám đốc	21/09/2016	-
Bà Lâm Kim Phượng	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Lê Ngọc Khang	Kế toán trưởng	14/03/2016	-

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Thanh Loan**

**Tổng Giám đốc**

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Số: 17.159HN/BCKT-RSM HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC****Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2017 từ trang 05 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### *Ý kiến của kiểm toán viên*

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Dặng Thị Hồng Loan**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0425-2016-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017



**Nguyễn Hoàng Vy Thảo**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
1727-2016-026-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.693.216.819.745</b>	<b>1.550.907.406.154</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>62.813.237.717</b>	<b>44.678.752.480</b>
1. Tiền	111		7.022.485.593	28.978.752.480
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.790.752.124	15.700.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>24.220.678.493</b>	<b>70.292.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	24.220.678.493	70.292.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>129.439.613.341</b>	<b>108.561.596.665</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	124.874.695.366	90.596.276.316
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		11.146.172.549	18.870.220.768
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	10.447.953.509	11.282.975.566
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(17.335.482.633)	(12.318.184.302)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		306.274.550	130.308.317
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.6	<b>1.448.544.464.665</b>	<b>1.290.531.150.762</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.451.768.251.316	1.302.484.336.509
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.223.786.651)	(11.953.185.747)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>28.198.825.529</b>	<b>36.843.906.247</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	6.853.267.870	441.755.301
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.343.496.427	36.401.448.660
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	2.061.232	702.286
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>794.098.979.362</b>	<b>861.176.278.225</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.532.478.912</b>	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	1.532.478.912	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>724.976.534.643</b>	<b>783.878.160.087</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	693.761.717.491	772.875.591.097
Nguyên giá	222		979.923.392.668	996.004.608.392
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(286.161.675.177)	(223.129.017.295)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	20.509.354.264	-
Nguyên giá	225		20.509.354.264	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	10.705.462.888	11.002.568.990
Nguyên giá	228		13.822.026.730	13.822.026.730
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.116.563.842)	(2.819.457.740)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>23.177.008.911</b>	<b>20.676.055.498</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	23.177.008.911	20.676.055.498
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>68.477.795</b>	<b>68.477.795</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	68.477.795	68.477.795
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>44.344.479.101</b>	<b>56.553.584.845</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	43.426.419.427	44.571.107.539
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	6.12	918.059.674	11.982.477.306
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.487.315.799.107</b>	<b>2.412.083.684.379</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
Mẫu số B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.576.737.307.977</b>	<b>1.661.088.752.389</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.466.793.585.963</b>	<b>1.602.053.870.711</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	523.017.648.681	513.880.505.369
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	49.337.702.192	22.898.392.826
3. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	14.037.016.965	31.798.177.487
4. Phải trả người lao động	314	5.15	2.965.267.348	2.624.912.995
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	10.217.764.053	9.244.150.191
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	5.704.005.390	41.796.064.262
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	861.514.181.334	979.396.421.412
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	415.246.169
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>109.943.722.014</b>	<b>59.034.881.678</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	5.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	109.943.722.014	59.029.881.678
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	5.19	<b>910.578.491.130</b>	<b>750.994.931.990</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>910.578.491.130</b>	<b>750.994.931.990</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		614.356.040.000	614.356.040.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		614.356.040.000	614.356.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		160.764.683.540	160.764.683.540
3. Cổ phiếu quỹ	415		(58.638.685.584)	(58.638.685.584)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.284.479.534	27.284.479.534
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.509.121.366	2.512.121.366
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		164.302.852.274	4.716.293.134
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		4.677.981.861	68.053.616.913
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		159.624.870.413	(63.337.323.779)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.487.315.799.107</b>	<b>2.412.083.684.379</b>



Nguyễn Thanh Loan  
Tổng giám đốc

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Lê Ngọc Khang  
Kế toán trưởng

Trần Thị Quỳnh  
Người lập biểu



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
Mẫu số B 02 - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.886.917.996.373	1.855.969.852.891
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	1.632.862.482	2.944.779.220
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.885.285.133.891	1.853.025.073.671
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	2.545.912.473.736	1.737.009.317.125
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		339.372.660.155	116.015.756.546
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	12.869.824.015	3.605.743.794
7. Chi phí tài chính	22	6.5	67.362.498.216	94.045.871.104
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>60.180.205.651</i>	<i>56.646.873.584</i>
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	24.631.327.439	18.622.873.594
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	49.987.119.666	43.487.059.019
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		210.261.538.849	(36.534.303.377)
11. Thu nhập khác	31	6.8	1.510.419.388	6.538.190.623
12. Chi phí khác	32	6.9	27.678.298.638	43.707.507.181
13. Lợi nhuận khác	40		(26.167.879.250)	(37.169.316.558)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		184.093.659.599	(73.703.619.935)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.11	13.363.371.554	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.12	11.064.417.632	(10.366.296.156)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		159.665.870.413	(63.337.323.779)
18. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	5.19.4	2.661	(1.088)



**Nguyễn Thanh Loan**  
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2017

**Lê Ngọc Khang**  
Kế toán trưởng

**Trần Thị Quỳnh**  
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		184.093.659.599	(73.703.619.935)
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		69.763.765.243	66.368.392.278
Các khoản dự phòng	03		(3.712.100.765)	1.949.030.509
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		5.101.259.720	11.210.823.886
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.549.959.028)	(6.977.042.354)
Chi phí lãi vay	06	6.5	60.180.205.651	56.646.873.584
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>308.876.830.420</b>	<b>55.494.457.968</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.093.291.562)	111.954.508.119
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(156.883.266.750)	(189.176.369.173)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(32.832.691.216)	132.677.031.299
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(5.266.824.457)	4.498.027.771
Tiền lãi vay đã trả	14		(59.989.750.035)	(57.340.359.738)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(494.246.169)	(521.239.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>45.316.760.231</b>	<b>57.586.056.446</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.933.462.186)	(3.203.042.980)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		14.753.864.385	8.604.999.995
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(44.807.678.493)	(93.729.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		90.879.000.000	36.921.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.247.732.368	1.989.700.269
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>61.139.456.074</b>	<b>(49.416.342.716)</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.3	1.879.881.228.304	1.846.515.183.529
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.4	(1.965.678.170.454)	(1.875.961.541.504)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(85.796.942.150)</b>	<b>(29.446.357.975)</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>20.659.274.155</b>	<b>(21.276.644.246)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		<b>44.678.752.480</b>	<b>65.937.093.816</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.159.562	18.302.909
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	5.1	<b>65.339.186.197</b>	<b>44.678.752.480</b>



Nguyễn Thanh Loan  
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Lê Ngọc Khang  
Kế toán trưởng

Trần Thị Quỳnh  
Người lập biểu



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
Mẫu số B 09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 07 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381282 ngày 12 tháng 04 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất (lần thứ 14) là vào ngày 21 tháng 09 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 614.356.040.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh và nhà máy của Công ty được đặt tại Lô CN8, Đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty gọi chung là “Nhóm công ty”).

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Đà Nẵng	Thôn Giáng Nam 2, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng.
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Bà Rịa	Số 19 Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Long Mỹ	Số 79A Đường Trần Hưng Đạo, Khu Vực Bình Thạnh B, Phường Bình Thạnh, TX. Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang.
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Vị Thanh	Số 295 Đường Trần Hưng Đạo, Phường 5, TP. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.

Tổng số nhân viên của Nhóm công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 412 (31/12/2015: 462).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm công ty là:

- Mua bán sắt thép các loại.
- Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất sắt thép và xây dựng.
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.
- Mua bán nông sản.
- Mua bán vỏ, ruột xe.
- Mua bán tấm cách nhiệt, tấm lợp các loại.
- Xây dựng nhà các loại.
- Thi công hệ thống điện công trình.
- Thi công hệ thống nước công trình.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Đúc sắt, thép.
- Sản xuất thép xây dựng, thép hình.
- Chế biến nông sản.
- Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

- Sản xuất đồ gỗ gia dụng.
- Dịch vụ giao nhận. Dịch vụ khai thuế hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, dân cư đô thị. Cho thuê kho bãi.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc Nhóm công ty**

Vào đầu năm 2016, Nhóm công ty được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 02 công ty con trực tiếp. Trong năm, không có thay đổi cấu trúc của Nhóm công ty.

**1.6. Các công ty con được hợp nhất**

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, Lô A, Đường 22, KCN Sóng Thần 2, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	100%	100%

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ**

**2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Nhóm công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

**3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Nhóm công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**4.1. Ngoại tệ**

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm.

**4.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

**4.4. Đầu tư tài chính**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

***Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

#### ***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác***

*Đối với các khoản đầu tư khác*

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

#### **4.5. Các khoản phải thu**

##### ***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

##### ***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **4.6. Hàng tồn kho**

##### ***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

##### ***Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho***

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### ***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### ***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **4.7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

##### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

##### ***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 20 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
▪ Tài sản cố định khác	05 năm

#### **4.8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

##### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

##### ***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

###### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là từ 39 đến 48 năm.



### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

*Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích là 08 năm.

#### **4.9. Thuê tài sản**

##### ***Phân loại thuê tài sản***

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

##### ***Thuê tài chính***

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Nhóm công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

- Máy móc, thiết bị 08 năm

##### ***Thuê hoạt động***

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

#### **4.10. Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **4.11. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê là 43 năm.
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 tháng đến 38 tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **4.12. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

#### **4.13. Chi phí đi vay**

##### ***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

#### **4.14. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

#### **4.15. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Nhóm công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Nhóm công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Nhóm công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tắt toán trong năm 2012.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.16. Vốn chủ sở hữu**

***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Nhóm công ty.

***Phân phối lợi nhuận***

	<u>Mục đích</u>	<u>Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính hợp nhất</u>
▪ Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu	5%
▪ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	3%

Lợi nhuận thuần hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**4.17. Doanh thu và thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

#### ***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### ***Thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư***

Thu nhập từ bán các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

#### ***Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định***

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

#### **4.18. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

#### **4.19. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

#### **4.20. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

#### **4.21. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.22. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Chi phí thuế TNDN hoãn lại***

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Nhóm công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Nhóm công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

*Ưu đãi, miễn giảm thuế*

Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000622 ngày 23 tháng 12 năm 2008 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp, Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh thu từ hoạt động kinh doanh với thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

**Thuế giá trị gia tăng**

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp được tính theo các mức thuế suất 10%.

**Các loại thuế khác**

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

**4.23. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**4.24. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**4.25. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

***Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ***

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Tại ngày 31/12/2016 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2016 VND</b>
Tiền mặt	359.430.426	1.249.346.982
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.663.055.167	27.729.405.498
Các khoản tương đương tiền	55.790.752.124	15.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>62.813.237.717</u></b>	<b><u>44.678.752.480</u></b>

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất trung bình từ 4,5% đến 5,2%/năm. Các khoản tương đương tiền với số tiền 54.215.000.000 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty - Xem thêm mục 5.18.

Giá trị các khoản tiền nắm giữ nhưng không được sử dụng là 1.045.000.000 VND - Xem thêm mục 7.2.

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	24.220.678.493	24.220.678.493	70.292.000.000	70.292.000.000

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng với số tiền là 23.595.377.137 VND đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty - Xem thêm mục 5.18.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	68.477.795	83.723.100	68.477.795	104.513.400

Nhóm Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trên cơ sở giá niêm yết trên sàn chứng khoán và số lượng cổ phiếu Nhóm Công ty nắm giữ.

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thành 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu từ khách hàng:  
Công ty TNHH Cơ Khí Và Xây Dựng DTL  
Các khách hàng khác  
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – xem thêm mục 9.

**Cộng**

Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
31.262.526.348	24.336.827.602
93.090.970.765	66.259.448.714
521.198.253	-
<b>124.874.695.366</b>	<b>90.596.276.316</b>

**5.4. Phải thu khác**

**Tại ngày 31/12/2016  
VND**

Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
1.144.851.843	-	1.883.490.262	-
117.512.941	-	1.312.527.857	-
9.185.588.725	(1.338.493.156)	8.086.957.447	(1.338.493.156)
<b>10.447.953.509</b>	<b>(1.338.493.156)</b>	<b>11.282.975.566</b>	<b>(1.338.493.156)</b>

**Ngắn hạn:**

Phải thu người lao động  
Ký cược, ký quỹ  
Phải thu khác

**Cộng**

Dài hạn:

Ký cược, ký quỹ

1.532.478.912

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.5. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, phải thu khác quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	21.905.950.920	4.570.468.287	12.536.800.782	218.616.480
Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, phải thu khác quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:				
	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Pt Blue Steel Industries	8.628.800.890	4.314.400.445	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tôn Tân Thành	2.896.315.858	-	2.896.315.858	-
Các khách hàng khác	10.380.834.172	256.067.842	9.640.484.924	218.616.480
<b>Cộng</b>	<b>21.905.950.920</b>	<b>4.570.468.287</b>	<b>12.536.800.782</b>	<b>218.616.480</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	65.226.004.141	-	44.449.026.172	-
Nguyên liệu, vật liệu	338.153.660.977	(365.936.855)	383.119.919.473	(1.078.599.738)
Công cụ, dụng cụ	42.327.366.841	-	17.037.983.085	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.116.717.744	-	824.237.037	-
Thành phẩm	663.174.748.216	(2.857.849.796)	603.847.648.129	(8.231.492.127)
Hàng hóa	335.769.753.397	-	253.205.522.613	(2.643.093.882)
<b>Cộng</b>	<b>1.451.768.251.316</b>	<b>(3.223.786.651)</b>	<b>1.302.484.336.509</b>	<b>(11.953.185.747)</b>

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 493.107.094.393 VND – Xem thêm mục 5.18.

Việc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là do giá thép ngoài thị trường tăng và do hàng đã bán ra trong năm.

**5.7. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND	VND	VND	VND
Công trình văn phòng, nhà xưởng	4.601.571.608	6.213.573.491	-	-
Máy móc, dây chuyền sản xuất	7.662.846.163	7.542.586.261	-	-
Chi phí xây dựng đường trạm, hệ thống điện, trạm cân, hệ thống xử lý nước thải	8.317.947.489	641.226.527	-	-
Các công trình khác	396.026.527	2.198.617.124	-	-
Sửa chữa	2.198.617.124	6.278.669.219	-	-
<b>Cộng</b>	<b>23.177.008.911</b>	<b>20.676.055.498</b>	<b>20.676.055.498</b>	<b>20.676.055.498</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình Nhà cửa, vật kiến trúc	Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2016	128.822.298.838	835.321.706.059	29.194.401.916	1.354.090.998	1.312.110.581	996.004.608.392
Mua trong năm	-	3.003.146.320	-	68.090.000	-	3.071.236.320
Thanh lý, nhượng bán	(-)	(18.638.672.044)	(513.780.000)	(-)	(-)	(19.152.452.044)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>128.822.298.838</b>	<b>819.686.180.335</b>	<b>28.680.621.916</b>	<b>1.422.180.998</b>	<b>1.312.110.581</b>	<b>979.923.392.668</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2016	21.552.902.110	184.197.469.222	15.698.542.545	951.378.818	728.724.600	223.129.017.295
Khấu hao trong năm	6.517.163.568	59.598.578.614	3.018.018.806	157.882.353	175.015.800	69.466.659.141
Thanh lý, nhượng bán	(-)	(5.920.221.259)	(513.780.000)	(-)	(-)	(6.434.001.259)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>28.070.065.678</b>	<b>237.875.826.577</b>	<b>18.202.781.351</b>	<b>1.109.261.171</b>	<b>903.740.400</b>	<b>286.161.675.177</b>

Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2016	107.269.396.728	651.124.236.837	13.495.859.371	402.712.180	583.385.981	772.875.591.097
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>100.752.233.160</b>	<b>581.810.353.758</b>	<b>10.477.840.565</b>	<b>312.919.827</b>	<b>408.370.181</b>	<b>693.761.717.491</b>

Giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 551.012.490.391 VND – Xem thêm mục 5.18.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 29.986.083.647 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

<b>Khoản mục</b>	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy tính VND</b>	<b>Cộng VND</b>
Nguyên giá: Tại ngày 01/01/2016	13.730.727.730	91.299.000	13.822.026.730
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>13.730.727.730</b>	<b>91.299.000</b>	<b>13.822.026.730</b>
Giá trị hao mòn lũy kế: Tại ngày 01/01/2016	2.739.571.131	79.886.609	2.819.457.740
Khấu hao trong năm	285.693.711	11.412.391	297.106.102
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>3.025.264.842</b>	<b>91.299.000</b>	<b>3.116.563.842</b>
Giá trị còn lại: Tại ngày 01/01/2016	10.991.156.599	11.412.391	11.002.568.990
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>10.705.462.888</b>	<b>-</b>	<b>10.705.462.888</b>

Giá trị còn lại tại 31 tháng 12 năm 2016 của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp cho các khoản vay là 6.547.373.349 VND – Xem thêm mục 5.18.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 91.299.000 VND.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.10. Tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2016	-
Thuê tài chính trong năm	20.509.354.264
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b><u>20.509.354.264</u></b>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2016	-
Khấu hao trong năm	-
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b><u>-</u></b>
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2016	-
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b><u>20.509.354.264</u></b>

Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản theo các hợp đồng thuê tài chính sau:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 2016-002228-000 ngày 15 tháng 12 năm 2016, khi kết thúc thời hạn thuê Nhóm Công ty sẽ mua lại tài sản thuê với số tiền bằng 0,3% giá mua.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số C160711302 ngày 07 tháng 11 năm 2016, khi kết thúc thời hạn thuê Nhóm Công ty sẽ được mua lại tài sản thuê với số tiền bằng giá trị còn lại của tài sản thuê nếu bên cho thuê đồng ý bán tài sản thuê.

**5.11. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	6.853.267.870	441.755.301
Dài hạn:		
Chi phí thuê đất và cơ sở hạ tầng ở KCN	43.425.622.397	44.568.401.933
Các khoản khác	797.030	2.705.606
<b>Cộng</b>	<b><u>43.426.419.427</u></b>	<b><u>44.571.107.539</u></b>

Giá trị còn lại của quyền sử dụng đất thuê đã dùng để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng –  
Xem thêm mục 5.18.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán:				
Công ty Future Materials Industry (Hongkong)	136.583.661.866	136.583.661.866	107.118.561.905	107.118.561.905
Công ty Gs Global Corp.	60.654.831.519	60.654.831.519	-	-
Công ty Joinwe International Limited	64.368.560.086	64.368.560.086	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	261.157.451.455	261.157.451.455	406.508.799.709	406.508.799.709
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 9.	253.143.755	253.143.755	253.143.755	253.143.755
<b>Cộng</b>	<b>523.017.648.681</b>	<b>523.017.648.681</b>	<b>513.880.505.369</b>	<b>513.880.505.369</b>

**5.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	29.890.256.568	-	29.890.256.568	-
Các khách hàng khác	19.447.445.624	22.898.392.826	19.447.445.624	22.898.392.826
<b>Cộng</b>	<b>49.337.702.192</b>	<b>22.898.392.826</b>	<b>49.337.702.192</b>	<b>22.898.392.826</b>

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2016		Trong năm		Tại ngày 31/12/2016	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	21.763.563.920	43.720.356.697	21.800.168.745	2.061.232	420.433
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	240.286	-	105.985.309.533	105.985.155.035	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	8.954.139.228	16.752.543.518	7.797.991.883	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	143.627.572	-	13.363.371.554	-	13.403.912.883
Thuế thu nhập cá nhân	-	339.539.045	57.863.280	60.890.698	-	35.375.927
Các loại thuế khác	462.000	597.307.722	70.999.600	70.999.600	-	597.307.722
<b>Cộng</b>	<b>702.286</b>	<b>31.798.177.487</b>	<b>166.587.072.628</b>	<b>149.078.577.515</b>	<b>2.061.232</b>	<b>14.037.016.965</b>

**5.15. Phải trả người lao động**

Chủ yếu là khoản tiền lương tháng 12 và thưởng năm 2016 còn phải trả cho người lao động.

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	1.320.612.998	531.799.236
Chi phí lãi vay phải trả cho bên liên quan – Xem thêm mục 9.	8.712.350.955	8.712.350.955
Khác	184.800.100	-
<b>Cộng</b>	<b>10.217.764.053</b>	<b>9.244.150.191</b>

**5.17. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Kinh phí công đoàn	483.358.756	391.977.339
Bảo hiểm xã hội	30.214.339	393.590.971
Bảo hiểm y tế	1.063.710	20.319.088
Bảo hiểm thất nghiệp	-	3.747.552
Phải trả hàng mượn	-	16.491.531.925
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.842.054.435	5.159.720.643
<b>Cộng</b>	<b>5.356.691.240</b>	<b>22.460.887.518</b>
Các khoản phải trả bên liên quan – Xem thêm mục 9:		
Tiền mượn Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	217.467.250	19.205.329.844
Phải trả khác Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thép Thiên Lộc	129.846.900	129.846.900
<b>Cộng</b>	<b>347.314.150</b>	<b>19.335.176.744</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.704.005.390</b>	<b>41.796.064.262</b>

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.18. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	847.125.894.126	847.125.894.126	1.795.071.229.304	1.837.223.596.590	889.278.261.412	889.278.261.412
Vay đối tượng khác	750.000.000	750.000.000	750.000.000	-	-	-
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	5.232.351.112	5.232.351.112	5.232.351.112	90.118.160.000	90.118.160.000	90.118.160.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	8.405.936.096	8.405.936.096	8.405.936.096	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>861.514.181.334</b>	<b>861.514.181.334</b>	<b>1.809.459.516.512</b>	<b>1.927.341.756.590</b>	<b>979.396.421.412</b>	<b>979.396.421.412</b>
Dài hạn:						
Vay ngân hàng	16.430.000.000	16.430.000.000	6.310.000.000	10.880.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000
Vay đối tượng khác	83.359.411.302	83.359.411.302	77.749.999.000	32.420.469.376	38.029.881.678	38.029.881.678
Nợ thuê tài chính	10.154.310.712	10.154.310.712	10.154.310.712	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>109.943.722.014</b>	<b>109.943.722.014</b>	<b>94.214.309.712</b>	<b>43.300.469.376</b>	<b>59.029.881.678</b>	<b>59.029.881.678</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>971.457.903.348</b>	<b>971.457.903.348</b>	<b>1.903.673.826.224</b>	<b>1.970.642.225.966</b>	<b>1.038.426.303.090</b>	<b>1.038.426.303.090</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng dùng để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên vật liệu, chịu lãi suất từ 6% đến 8,5%/năm và 9%/năm đối với VND và từ 2,5% đến 4,3% đối với USD. Khoản vay được đảm bảo bằng số dư tiền gửi ngân hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, vô hình và tài sản của bên có liên quan – Xem thêm mục 5.1; 5.2; 5.6; 5.8; 5.9, 5.11 và mục 9.

Vay đối tượng khác là các khoản vay cá nhân bên liên quan thời gian từ 12 tháng đến 28 tháng dưới hình thức tín chấp với lãi suất từ 0%/năm đến 6%/năm – Xem thêm mục 9.

Vay dài hạn ngân hàng có thời hạn 05 năm với lãi suất 10,5%/năm để thanh toán các chi phí đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư nợ vay dài hạn là 21.662.351.112 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 5.232.351.112 VND. Khoản vay này được thế chấp bằng nhà xưởng, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất; Quyền thuê đất – Xem thêm mục 5.8 và 5.11.

Các khoản nợ thuế tài chính được chi tiết như sau:

Thời hạn	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016			
	VND		VND			
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Lãi thuế	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Lãi thuế	Nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	9.430.007.786	1.024.071.690	8.405.936.096	-	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	11.186.375.501	1.032.064.789	10.154.310.712	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>20.616.383.287</b>	<b>2.056.136.479</b>	<b>18.560.246.808</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Nợ thuế tài chính là các khoản thuế tài chính về máy móc thiết bị với thời hạn từ 37 - 48 tháng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư nợ gốc thuế tài chính là 18.560.246.808 VND, trong đó nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả trong năm 2017 là 8.405.936.096 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.19. Vốn chủ sở hữu**

**5.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng	
	VND	VND	VND	VND	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển			Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu
Tại ngày 01/01/2015	614.356.040.000	-	160.764.683.540	(58.638.685.584)	26.956.805.237	-	2.512.121.366	68.608.895.788	814.559.860.347
Lỗi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	(63.337.323.779)	(63.337.323.779)
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	327.674.297	-	31.000.000	(358.674.297)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(196.604.578)	(196.604.578)
Chi quỹ	-	-	-	-	-	-	(31.000.000)	-	(31.000.000)
Tại ngày 01/01/2016	614.356.040.000	-	160.764.683.540	(58.638.685.584)	27.284.479.534	-	2.512.121.366	4.716.293.134	750.994.931.990
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	159.665.870.413	159.665.870.413
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu năm 2015	-	-	-	-	-	-	35.000.000	(35.000.000)	-
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu năm 2016	-	-	-	-	-	-	41.000.000	(41.000.000)	-
Chi quỹ	-	-	-	-	-	-	(79.000.000)	-	(79.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(3.311.273)	(3.311.273)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>614.356.040.000</b>	<b>-</b>	<b>160.764.683.540</b>	<b>(58.638.685.584)</b>	<b>27.284.479.534</b>	<b>-</b>	<b>2.509.121.366</b>	<b>164.302.852.274</b>	<b>910.578.491.130</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vốn góp của các cổ đông	614.356.040.000	614.356.040.000
Cổ phiếu quỹ theo mệnh giá	(32.278.400.000)	(32.278.400.000)
<b>Cộng</b>	<b>582.077.640.000</b>	<b>582.077.640.000</b>

**5.19.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	3.227.840	3.227.840
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	58.207.764	58.207.764

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**5.19.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp	159.665.870.413	(63.337.323.779)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	(4.789.976.112)	(-)
Lợi nhuận (lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	154.875.894.301	(63.337.323.779)
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	58.207.764	58.207.764
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.661</b>	<b>(1.088)</b>

**5.19.5. Các quỹ của Nhóm công ty**

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2016	27.284.479.534	2.512.121.366
Trích trong năm	-	76.000.000
Chi trong năm	(-)	(79.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>27.284.479.534</b>	<b>2.509.121.366</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>Tại ngày 01/01/2016</b>
Ngoại tệ các loại:		
USD	85.267,82	12.703,46
EUR	-	100,26
SGD	164,04	-
	<b>Tại ngày 31/12/2016 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2016 VND</b>
Nợ khó đòi đã xử lý:	3.262.302.618	1.812.487.702

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2016 VND</b>	<b>Năm 2015 VND</b>
Doanh thu xuất khẩu	227.758.179.919	359.237.222.417
Doanh thu bán hàng trong nước	2.652.901.113.114	1.494.369.768.350
Doanh thu phé liệu	6.144.919.904	2.351.061.724
Doanh thu cung cấp dịch vụ	113.783.436	11.800.400
<b>Cộng</b>	<b>2.886.917.996.373</b>	<b>1.855.969.852.891</b>

**6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Năm 2016 VND</b>	<b>Năm 2015 VND</b>
Chiết khấu thương mại	-	12.672.000
Giảm giá hàng bán	216.218.766	135.795.203
Hàng bán bị trả lại	1.416.643.716	2.796.312.017
<b>Cộng</b>	<b>1.632.862.482</b>	<b>2.944.779.220</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****6.3. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2016 VND</b>	<b>Năm 2015 VND</b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.254.525.349.639	259.467.888.440
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.296.270.653.758	1.461.481.894.836
Giá vốn phế liệu	3.845.869.435	15.897.091.809
Dự phòng/ (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(8.729.399.096)	162.442.040
<b>Cộng</b>	<b><u>2.545.912.473.736</u></b>	<b><u>1.737.009.317.125</u></b>

**6.4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2016 VND</b>	<b>Năm 2015 VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.247.732.368	1.989.700.269
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.622.091.647	1.616.043.525
<b>Cộng</b>	<b><u>12.869.824.015</u></b>	<b><u>3.605.743.794</u></b>

**6.5. Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2016 VND</b>	<b>Năm 2015 VND</b>
Chi phí lãi vay	60.180.205.651	56.646.873.584
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.182.292.565	37.398.997.520
<b>Cộng</b>	<b><u>67.362.498.216</u></b>	<b><u>94.045.871.104</u></b>

**6.6. Chi phí bán hàng**

	<b>Năm 2016 VND</b>	<b>Năm 2015 VND</b>
Chi phí nhân viên	2.966.101.140	3.253.547.763
Chi phí vận chuyển	7.943.932.196	8.833.589.192
Chi phí xuất khẩu	2.189.157.868	3.342.704.134
Chi phí vật liệu bao bì	6.772.524.172	1.370.041.176
Chi phí khác	4.759.612.063	1.822.991.329
<b>Cộng</b>	<b><u>24.631.327.439</u></b>	<b><u>18.622.873.594</u></b>

*(Xem tiếp trang sau)*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	22.424.517.963	20.315.663.012
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.036.354.062	2.535.313.169
Chi phí điện nước, điện thoại	4.047.001.603	2.493.054.715
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.494.810.365	7.885.160.723
Dự phòng phải thu khó đòi	6.431.031.116	1.786.588.304
Chi phí khác	5.553.404.557	8.471.279.096
<b>Cộng</b>	<b>49.987.119.666</b>	<b>43.487.059.019</b>

**6.8. Thu nhập khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	302.226.660	4.987.342.085
Tiền phạt thu được	444.420.900	-
Thu nhập khác	763.771.828	1.550.848.538
<b>Cộng</b>	<b>1.510.419.388</b>	<b>6.538.190.623</b>

**6.9. Chi phí khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản bị phạt	602.013.466	8.804.622.239
Chi phí sản xuất chung của phân xưởng tạm dừng hoạt động	26.700.665.337	34.674.989.237
Các khoản khác	375.619.835	227.895.705
<b>Cộng</b>	<b>27.678.298.638</b>	<b>43.707.507.181</b>

**6.10. Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.357.969.529.500	1.377.586.555.003
Chi phí nhân công	42.046.689.923	39.191.470.349
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.496.091.538	38.664.694.127
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.873.916.293	60.524.676.908
Chi phí khác bằng tiền	7.052.903.349	26.501.572.145
<b>Cộng</b>	<b>1.523.439.130.603</b>	<b>1.542.468.968.532</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**6.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành của các công ty trong Nhóm Công ty	13.363.371.554	-

**6.12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	Các khoản lỗ tính thuế VND	Lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch bán hàng nội bộ VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	-	(1.616.181.150)	(1.616.181.150)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	(9.262.834.309)	(1.103.461.847)	(10.366.296.156)
Tại ngày 01/01/2016	(9.262.834.309)	(2.719.642.997)	(11.982.477.306)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh kỳ này	9.236.592.518	1.827.825.114	11.064.417.632
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>(26.241.791)</b>	<b>(891.817.883)</b>	<b>(918.059.674)</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**7.1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong tương lai**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	20.509.354.264	-

**7.2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tiết kiệm không được sử dụng trị giá 1.045.000.000 VND dùng để cầm cố, đảm bảo cho việc mở thư tín dụng tại ngân hàng.

**7.3. Các khoản đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.879.881.228.304	1.846.515.183.529

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**7.4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	<b>Năm 2016 VND</b>	<b>Năm 2015 VND</b>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(1.965.678.170.454)	(1.875.961.541.504)

**8. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Nhóm công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất sắt, thép các loại;
- Lĩnh vực thương mại: mua bán sắt, thép các loại.
- Các hoạt động khác.

*(Xem tiếp trang sau)*



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**Các thông tin khác**

	Sàn xuất		Thương mại		Khác		Loại trừ		Đơn vị tính: Triệu VND Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Tài sản của bộ phận	1.047.915	595.616	400.630	249.484	-	-	-	-	1.448.545	845.100
Tài sản không phân bổ									1.038.771	1.566.984
<b>Tổng tài sản</b>									<b>2.487.316</b>	<b>2.412.084</b>
Nợ phải trả không phân bổ	Sàn xuất		Thương mại		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
	-	-	-	-	-	-	-	-	1.576.737	1.661.089
<b>Tổng nợ phải trả</b>									<b>1.576.737</b>	<b>1.661.089</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

	Sản xuất		Thương mại		Khác		Loại trừ		Đơn vị tính: Triệu VND	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Tổng cộng	Năm 2016
Chi phí mua sắm tài sản	23.513									23.581
Chi phí khấu hao không phân bổ					68					69.764

Nhóm Công ty có trụ sở hoạt động tại Bình Dương và có các chi nhánh được đặt tại Đà Nẵng, Bà Rịa, Cần Thơ, Sóc Trăng, Hậu Giang, Hà Nội. Năm 2016 các chi nhánh có tổng doanh thu phát sinh nhỏ hơn 10%. Do đó, Nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan**

1. Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thép Thiên Lộc
2. Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc
3. Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc
4. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc
5. Bà Nguyễn Thanh Dung

**Mối quan hệ**

- Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan
- Công ty con
- Công ty con
- Nhân sự quản lý chủ chốt
- Quan hệ ruột thịt với BGD và HĐQT

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng – Xem thêm mục 5.3: Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thép Thiên Lộc	521.198.253	-
	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải trả người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 5.12: Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thép Thiên Lộc	(253.143.755)	(253.143.755)
	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải trả ngắn hạn khác: Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thép Thiên Lộc Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	(129.846.900) (217.467.250)	(129.846.900) (19.205.329.844)
<b>Cộng – Xem thêm mục 5.17</b>	<b>(347.314.150)</b>	<b>(19.335.176.744)</b>
	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải trả lãi vay : Ông Nguyễn Thanh Nghĩa Bà Nguyễn Thị Bích Liên Bà Nguyễn Thanh Dung Bà Nguyễn Thanh Loan	(3.386.803.713) (5.208.794.642) (88.287.800) (28.464.800)	(3.386.803.713) (5.208.794.642) (88.287.800) (28.464.800)
<b>Cộng – Xem thêm mục 5.16</b>	<b>(8.712.350.955)</b>	<b>(8.712.350.955)</b>
	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vay ngắn hạn phải trả – Xem thêm mục 5.18: Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	(750.000.000)	-

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vay dài hạn phải trả :		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	(56.841.574.778)	(1.380.045.154)
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	(24.587.103.274)	(34.719.103.274)
Bà Nguyễn Thanh Dung	(866.733.250)	(866.733.250)
Bà Nguyễn Thanh Loan	(1.064.000.000)	(1.064.000.000)
<b>Cộng</b> – Xem thêm mục 5.18	<b>(83.359.411.302)</b>	<b>(38.029.881.678)</b>
Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:		
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vay tiền:		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	78.499.999.000	10.329.000.000
Bà Nguyễn Thanh Loan	-	700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>78.499.999.000</b>	<b>11.029.000.000</b>
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay:		
Nguyễn Thanh Nghĩa	651.152.136	-
Nguyễn Thị Bích Liên	653.085.417	-
<b>Cộng</b>	<b>1.304.237.553</b>	<b>-</b>
Ngoài ra, các cá nhân có liên quan còn dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty như sau:		
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá trị định giá của tài sản được dùng để thế chấp các khoản vay của Ngân hàng – Xem thêm mục 5.18:		
Tài sản là bất động sản:		
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	76.844.000.000	62.481.000.000
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	17.523.000.000	-
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa và Bà Nguyễn Thị Bích Liên	125.072.000.000	86.583.400.000
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa và Bà Nguyễn Thanh Loan	215.000.000.000	-
Tài sản là Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc:		
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	76.844.000.000	-
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa và Bà Nguyễn Thanh Loan	215.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>726.283.000.000</b>	<b>149.064.400.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Nhóm Công ty nhận tiền từ các bên liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Lãi được trích hoặc phải trả theo lãi suất kinh doanh thông thường. Khoản vay từ các bên liên quan chịu lãi suất từ 0%/năm đến 6%/năm. Khoản vay này không được bảo đảm và có thời gian hoàn trả cụ thể.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc của Nhóm công ty và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thù lao và thu nhập	971.589.200	964.486.700
<b>10. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT CỦA NHÓM CÔNG TY</b>		
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	14.000.000	10.000.000

**11. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH**

Nhóm công ty đang thuê một bộ phận riêng biệt của máy móc thiết bị với thời gian sử dụng ước tính 08 năm theo hợp đồng thuê tài chính với thời hạn 37 tháng đến 48 tháng. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai đã được trình bày ở mục 5.18.

**12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thanh Loan  
Tổng Giám đốc  
Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Lê Ngọc Khang  
Kế toán trưởng

Trần Thị Quỳnh  
Người lập

